

TỔNG QUAN VỀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ PHÁT TRIỂN BẢO HIỂM XÃ HỘI TỰ NGUYỆN

Nguyễn Thái Hà^{1*}, Nguyễn Mậu Dũng², Phạm Thanh Lan²

¹*Khoa Kinh tế và Quản trị, Trường Đại học Thái Bình*
²*Khoa Kinh tế và Quản lý, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

*Tác giả liên hệ: nguyenthaihakt@gmail.com

Ngày nhận bài: 09.10.2025

Ngày chấp nhận đăng: 05.05.2026

TÓM TẮT

Bài viết tập trung một số vấn đề lý luận cơ bản về phát triển bảo hiểm xã hội tự nguyện - một trụ cột quan trọng trong hệ thống an sinh xã hội đa tầng, góp phần mở rộng diện bao phủ, nâng cao phúc lợi xã hội và bảo đảm công bằng cho người lao động đặc biệt là lao động khu vực phi chính thức. Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích tổng quan hệ thống, kết hợp phân tích nội dung và chủ đề từ các công trình khoa học trong và ngoài nước, nhằm làm rõ khái niệm, đặc điểm, nội dung và các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển bảo hiểm xã hội tự nguyện. Kết quả cho thấy, phát triển bảo hiểm xã hội tự nguyện không chỉ dừng lại ở việc gia tăng số lượng người tham gia mà cần được tiếp cận toàn diện trên nhiều khía cạnh: mở rộng phạm vi bao phủ, đảm bảo tính bền vững tài chính, nâng cao chất lượng quản trị và hiệu quả thực thi chính sách. Phát triển bảo hiểm xã hội tự nguyện đòi hỏi phải đổi mới phương thức quản lý và tổ chức thực thi, ứng dụng công nghệ số trong cung cấp dịch vụ công, đồng thời đa dạng hóa hình thức đóng - hưởng để phù hợp với điều kiện kinh tế hộ gia đình và nhu cầu của người lao động.

Từ khóa: Bảo hiểm xã hội tự nguyện, phát triển, an sinh xã hội.

Some Theoretical Issues on the Development of Voluntary Social Insurance

ABSTRACT

The article provides an overview and discussion of key theoretical issues concerning the development of voluntary social insurance an essential pillar within a multi-tiered social security system that contributes to expanding coverage, enhancing social welfare, and ensuring equity for workers, particularly those in the informal sector. The study adopted a systematic literature review approach, combining content and thematic analysis of scientific works both domestically and internationally, to clarify the concepts, roles, characteristics, core components, and factors influencing the development of voluntary social insurance. Findings from the review indicate that the development of voluntary social insurance should not be limited to increasing participant numbers but should be approached comprehensively across multiple dimensions, including the expansion of coverage, financial sustainability, improvement of service quality, and the strengthening of public trust in the system. Promoting voluntary social insurance development requires innovation in governance and implementation mechanisms, digital transformation in public service delivery, and diversification of contribution-benefit options to better align with household economic conditions and the needs of informal workers.

Keywords: Voluntary social insurance, development, social security.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nghiên cứu phát triển bảo hiểm xã hội tự nguyện là yêu cầu mang tính chiến lược đóng vai trò quan trọng trong việc mở rộng hệ thống an sinh xã hội quốc gia, hướng đến mục tiêu bao phủ

toàn dân, bảo đảm sự công bằng xã hội và ổn định đời sống lâu dài cho người lao động. Bảo hiểm xã hội tự nguyện không chỉ góp phần bảo đảm thu nhập khi hết tuổi lao động, mà còn đóng vai trò như một “lưới đỡ” trước các rủi ro xã hội, giúp người lao động ổn định cuộc sống và yên

tâm lao động sản xuất. So với bảo hiểm bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện hướng tới đối tượng có đặc điểm nghề nghiệp không ổn định, thu nhập thấp và thiếu tiếp cận với các dịch vụ an sinh cơ bản. Do đó, phát triển bảo hiểm xã hội tự nguyện không chỉ mang ý nghĩa kinh tế mà còn là nhiệm vụ xã hội quan trọng, góp phần củng cố nền tảng an sinh bền vững và giảm thiểu bất bình đẳng. Vấn đề đặt ra là làm thế nào để phát triển bảo hiểm xã hội tự nguyện trong khi vẫn đảm bảo tính linh hoạt và công bằng giữa các nhóm lao động? Câu hỏi này mang ý nghĩa quốc gia, đặc biệt cấp thiết đối với các địa phương có tỷ lệ lao động phi chính thức cao.

Nghiên cứu quốc tế đã tiếp cận chủ đề bảo hiểm xã hội tự nguyện dưới nhiều góc độ khác nhau như động cơ tham gia, nhận thức rủi ro, chi phí giao dịch, niềm tin hay thiết kế chính sách (Ajzen, 1991; Alfars & cs., 2018; Khan & cs., 2020). Một số nghiên cứu khác xem xét bảo hiểm xã hội tự nguyện trong mối quan hệ với quá trình phi chính thức hóa lao động, năng lực thể chế và mức độ phù hợp của các gói chính sách đối với nhóm lao động thu nhập thấp (Indimuli & cs., 2023; Wango, 2024). Các nghiên cứu điển hình tại Trung Quốc và Ấn Độ ghi nhận rằng niềm tin vào hệ thống bảo hiểm và thiết kế chính sách linh hoạt là hai yếu tố có ảnh hưởng đáng kể đến quyết định tham gia của người lao động (Wang & Sun, 2022; Jain & cs., 2025). Ở Việt Nam, nghiên cứu chủ yếu phân tích yếu tố kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến quyết định tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện hoặc đánh giá chính sách hiện hành (Nguyễn Công Chanh & cs., 2024; Đỗ Thị Thu & Giang Thanh Long, 2023; Bùi Văn Lương & cs., 2023). Nghiên cứu của Nguyễn Thị Lan Hương (2022) và Nguyễn Hữu Dũng (2024) chỉ ra rằng, chính sách phát triển bảo hiểm xã hội tự nguyện cần được đặt trong chiến lược tổng thể về bao phủ an sinh xã hội, đồng thời phải gắn kết với các chương trình giảm nghèo bền vững, phát triển nông thôn và việc làm phi chính thức.

Mặc dù, các nghiên cứu cung cấp nhiều bằng chứng thực nghiệm hữu ích, song phần lớn các nghiên cứu hiện nay vẫn tập trung vào hành vi tham gia hoặc mức độ hài lòng của người tham gia, chưa hệ thống hóa cơ sở lý luận về phát triển

bảo hiểm xã hội tự nguyện trong tổng thể hệ thống an sinh xã hội. Các thành tố của phát triển bảo hiểm xã hội tự nguyện bao gồm mở rộng bao phủ, nâng cao khả năng tiếp cận, hoàn thiện thiết kế chính sách, củng cố niềm tin và nâng cao chất lượng quản trị quỹ thường được đề cập một cách rời rạc, thiếu tính hệ thống.

Xuất phát từ những hạn chế này, bài viết hướng đến mục tiêu hệ thống hóa cơ sở lý luận về phát triển bảo hiểm xã hội tự nguyện, cung cấp nền tảng học thuật cho các nghiên cứu thực nghiệm và hoạch định chính sách trong tương lai. Cụ thể, nghiên cứu tập trung làm rõ: (i) khái niệm và đặc điểm của bảo hiểm xã hội tự nguyện trong hệ thống an sinh xã hội; (ii) nội dung phát triển bảo hiểm xã hội tự nguyện; (iii) yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phát triển bảo hiểm xã hội tự nguyện.

Tác giả sử dụng phương pháp tổng quan hệ thống dựa trên nguồn dữ liệu thu thập từ các công trình khoa học trong cơ sở dữ liệu Google Scholar và một số tạp chí quốc tế có phản biện. Quy trình nghiên cứu được thực hiện thông qua việc tìm kiếm bằng các từ khóa như “*bảo hiểm xã hội tự nguyện*”, “*phát triển bảo hiểm xã hội tự nguyện*” và “*an sinh xã hội*”, kết hợp với phương pháp đối chiếu chéo giữa các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước. Từ đó, 37 bài báo và báo cáo khoa học đáp ứng tiêu chí lựa chọn được tổng hợp, cung cấp các luận cứ lý thuyết và bằng chứng thực nghiệm về phát triển bảo hiểm xã hội tự nguyện. Phương pháp phân tích chủ yếu dựa trên phân tích định tính với ba công cụ chính gồm: (i) phân tích so sánh nhằm nhận diện đặc trưng của quá trình phát triển bảo hiểm xã hội tự nguyện; (ii) phân tích nội dung để làm rõ các khái niệm, phạm trù và cách tiếp cận chính; (iii) phân tích theo chủ đề nhằm xác định các xu hướng nổi bật và khoảng trống nghiên cứu trong lĩnh vực này.

2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN BẢO HIỂM XÃ HỘI TỰ NGUYỆN

Nghiên cứu các vấn đề lý luận về phát triển bảo hiểm xã hội tự nguyện, cần thiết phải làm sáng tỏ một số khái niệm liên quan như:

bảo hiểm xã hội, bảo hiểm xã hội tự nguyện, phát triển bảo hiểm xã hội tự nguyện cùng với việc xác định rõ đặc điểm, nội dung và các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phát triển loại hình bảo hiểm này trong bối cảnh kinh tế - xã hội hiện nay.

2.1. Khái niệm phát triển bảo hiểm xã hội tự nguyện

Thuật ngữ “bảo hiểm xã hội” được ghi nhận lần đầu trong Đạo luật Bảo hiểm xã hội Hoa Kỳ năm 1935, sau đó được mở rộng áp dụng tại New Zealand năm 1938 và nhấn mạnh trong Hiến chương Đại Tây Dương năm 1941 như một trụ cột của hệ thống an sinh xã hội toàn cầu (Social Security Act, 1935; Social Security Act, 1938; Atlantic Charter, 1941). Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) đã tiếp nhận và phát triển khái niệm này, xác định bảo hiểm xã hội như một cơ chế chia sẻ rủi ro và điều tiết tài chính nhằm bảo đảm an toàn thu nhập cho người lao động trước các biến cố của cuộc sống (ILO, 2001; ILO, 2019). Từ góc độ kinh tế, bảo hiểm xã hội được tiếp cận như một cơ chế bảo đảm thu nhập, góp phần ổn định đời sống của người lao động và gia đình khi khả năng tạo thu nhập bị suy giảm (Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, 2015). Ở góc độ pháp lý, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006 xem bảo hiểm xã hội là một thiết chế do Nhà nước tổ chức thực hiện, vận hành trên cơ sở quỹ tài chính tập trung được hình thành từ sự đóng góp của các chủ thể tham gia. Như vậy, có thể thấy bảo hiểm xã hội vừa mang bản chất kinh tế với chức năng phân phối lại thu nhập, vừa mang bản chất xã hội - pháp lý với vai trò điều tiết và bảo đảm an sinh của Nhà nước. Tổng hợp các quan điểm cho thấy bảo hiểm xã hội vận hành như một thiết chế bảo vệ mang tính xã hội hóa, dựa trên nguyên tắc chia sẻ rủi ro và phân phối lại thu nhập giữa những người tham gia. Do vậy, có thể khái quát rằng *bảo hiểm xã hội là hệ thống chính sách bảo vệ do Nhà nước tổ chức và quản lý nhằm thay thế hoặc bù đắp thu nhập của người lao động khi họ gặp rủi ro làm suy giảm khả năng tạo thu nhập, trên cơ sở tham gia và đóng góp vào quỹ, hướng tới ổn định đời sống và củng cố an sinh xã hội.*

Ở phương diện triển khai chính sách, bảo hiểm xã hội gồm hai hợp phần: bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm xã hội tự nguyện. Nếu bảo hiểm xã hội bắt buộc áp dụng cho nhóm lao động có quan hệ lao động chính thức, thì bảo hiểm xã hội tự nguyện hướng đến nhóm lao động phi chính thức, những người có mức độ ổn định thu nhập thấp hơn và không có hợp đồng lao động cố định nhưng vẫn có nhu cầu bảo vệ an sinh dài hạn. Các chương trình tương tự bảo hiểm xã hội tự nguyện đã hình thành tương đối sớm tại nhiều quốc gia như Pháp, Phần Lan và Thổ Nhĩ Kỳ (ILO, 2019), song cách hiểu về bảo hiểm xã hội tự nguyện không đồng nhất giữa các quốc gia do sự khác biệt về hệ thống an sinh và đặc điểm thị trường lao động. Ở các quốc gia phát triển, bảo hiểm xã hội tự nguyện chủ yếu là cơ chế lưu trữ bổ sung; trong khi tại các nước đang phát triển, đây là công cụ mở rộng diện bao phủ an sinh cho khu vực lao động phi chính thức (World Bank, 2024; ILO, 2023). Theo Nguyễn Ngọc Hiến (2024), bảo hiểm xã hội tự nguyện là cơ chế do Nhà nước tổ chức nhằm khuyến khích người lao động hoặc người sử dụng lao động tự nguyện tham gia để bù đắp thu nhập khi gặp rủi ro, nhấn mạnh vai trò trung tâm của Nhà nước trong thiết kế và quản trị hệ thống. Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 và sửa đổi năm 2024 tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý, cho phép người lao động lựa chọn mức và phương thức đóng phù hợp với khả năng tài chính, đồng thời quy định cơ chế hỗ trợ từ ngân sách nhà nước. Điều này thể hiện tính chất chia sẻ xã hội và vai trò bảo trợ của Nhà nước trong việc mở rộng phạm vi bao phủ. Như vậy, *bảo hiểm xã hội tự nguyện có thể được hiểu là loại hình bảo hiểm xã hội do Nhà nước tổ chức, trong đó người lao động tham gia trên cơ sở tự nguyện, lựa chọn mức và phương thức đóng phù hợp, được Nhà nước hỗ trợ nhằm bù đắp thu nhập khi gặp rủi ro, qua đó góp phần bảo đảm công bằng và gia tăng mức độ bao phủ an sinh.*

Những luận giải trên là nền tảng lý luận quan trọng để hình thành khái niệm “phát triển bảo hiểm xã hội tự nguyện”, vốn phản ánh giai đoạn cao hơn trong quá trình hoàn thiện và mở rộng hệ thống an sinh. Ở góc độ lý luận, phát

triển bảo hiểm xã hội tự nguyện biểu hiện qua sự tăng trưởng cả về lượng và chất. Về lượng, phát triển thể hiện ở sự gia tăng số người tham gia, mở rộng phạm vi bao phủ theo nhóm nghề, vùng địa lý hoặc đặc điểm nhân khẩu học (ILO, 2019). Về chất, phát triển bao gồm hoàn thiện thể chế, điều chỉnh mức đóng mức hưởng theo hướng tăng tính hấp dẫn, mở rộng hỗ trợ ngân sách, cải thiện năng lực cung ứng dịch vụ và tăng cường tính minh bạch nhằm củng cố niềm tin xã hội (Nguyễn Văn Tiến & Phạm Thị Lan, 2022). Do đó, phát triển bảo hiểm xã hội tự nguyện là sự gia tăng số lượng người tham gia, là tiến trình nâng cao chất lượng chính sách và hiệu quả thực thi. Dưới góc nhìn thể chế, phát triển bảo hiểm xã hội tự nguyện là quá trình Nhà nước thiết kế và triển khai các cơ chế hỗ trợ phù hợp để thúc đẩy sự tham gia tự nguyện, bảo đảm tính công bằng giữa các nhóm lao động và thích ứng với bối cảnh thị trường lao động phân mảnh (World Bank, 2024). Từ góc độ hành vi, sự phát triển này chịu tác động đáng kể từ mức độ hiểu biết, nhận thức và niềm tin của người dân đối với hệ thống an sinh (ILO, 2019). Tổng hợp các cách tiếp cận trên, có thể khái quát rằng *phát triển bảo hiểm xã hội tự nguyện là quá trình mở rộng và hoàn thiện hệ thống bảo hiểm xã hội mang tính tự nguyện thông qua việc gia tăng quy mô bao phủ, nâng cao chất lượng chính sách và năng lực thực thi, cải thiện mức độ tin cậy của người dân và đảm bảo tính bền vững tài chính của quỹ.*

2.2. Đặc điểm phát triển bảo hiểm xã hội tự nguyện

Phát triển bảo hiểm xã hội tự nguyện là quá trình mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống bảo hiểm xã hội tự nguyện, nhằm gia tăng số lượng người tham gia, hoàn thiện chính sách, nâng cao chất lượng dịch vụ và củng cố tính bền vững tài chính của quỹ. Dựa trên tổng quan các nghiên cứu trong và ngoài nước, đặc điểm của phát triển bảo hiểm xã hội tự nguyện có thể được hệ thống hóa thành các đặc điểm sau:

Thứ nhất, đặc điểm tài chính. Người lao động được quyền lựa chọn mức đóng phù hợp với khả năng tài chính và chu kỳ thu nhập của

mình, đặc biệt đối với nhóm lao động phi chính thức có thu nhập không ổn định (Barr & Diamond, 2008; Hinz & cs., 2021). Về mặt bền vững tài chính, nghiên cứu của World Bank (2024) nhấn mạnh rằng một hệ thống bảo hiểm xã hội tự nguyện chỉ có thể phát triển ổn định khi có cơ chế giám sát quỹ minh bạch, phương pháp dự báo tài chính tin cậy và biện pháp quản lý rủi ro hiệu quả. Tại Việt Nam, chính sách hỗ trợ mức đóng từ ngân sách nhà nước theo tỷ lệ phần trăm áp dụng cho nhóm thu nhập thấp góp phần giảm gánh nặng tài chính, từ đó cải thiện khả năng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện (Báo cáo Bảo hiểm xã hội Việt Nam, 2024). Do đó, chính sách tài chính linh hoạt, đi kèm với tiêu chí đảm bảo cân đối quỹ dài hạn là tiền đề quan trọng để mở rộng hệ thống và tạo khả năng tiếp cận rộng rãi.

Thứ hai, đặc điểm quyền lợi. Bảo hiểm xã hội tự nguyện bao gồm ít chế độ hơn so với bảo hiểm bắt buộc chủ yếu là chế độ hưu trí, tử tuất, trợ cấp thai sản (Nguyễn Ngọc Hiến, 2024; Luật bảo hiểm xã hội, 2014; 2024). Bảo hiểm xã hội tự nguyện là sản phẩm an sinh dài hạn, đòi hỏi người tham gia đóng liên tục trong thời gian dài để được hưởng lương hưu (Ngô Quốc Dũng & Nguyễn Quỳnh Hoa, 2025). Đặc điểm này làm giảm sức hấp dẫn đối với lao động thu nhập thấp, khiến phát triển bảo hiểm xã hội tự nguyện phụ thuộc mạnh vào chính sách tạo niềm tin dài hạn. Như vậy, quyền lợi rõ ràng, dài hạn và có thể dự đoán được giúp củng cố niềm tin của người lao động vào hệ thống.

Thứ ba, đặc điểm đối tượng tham gia. Bảo hiểm xã hội tự nguyện chủ yếu hướng tới nhóm lao động phi chính thức, những người không được bao phủ bởi bảo hiểm xã hội bắt buộc, có thu nhập biến động và thiếu ổn định (Nguyễn Văn Tiến & Phạm Thị Lan, 2022; Đỗ Thị Thu & Giang Thanh Long, 2023). Người lao động được phép tự quyết định mức đóng và phương thức đóng, phù hợp với thu nhập, thời gian làm việc và điều kiện nghề nghiệp. Quá trình mở rộng bao phủ không chỉ tính đến số lượng, mà còn đảm bảo tính đa dạng về độ tuổi, ngành nghề, giới tính và điều kiện kinh tế - xã hội, nhằm tăng tính toàn diện và công bằng của hệ thống

(ILO, 2019). Do đó, việc phát triển bảo hiểm xã hội tự nguyện đòi hỏi phải mở rộng bao phủ đi đôi với tăng tính công bằng giữa các vùng, nhóm nghề và giới tính. Sự đa dạng của đối tượng tham gia yêu cầu hệ thống chính sách cần linh hoạt, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng nhóm dân cư.

Thứ tư, đặc điểm cơ chế vận hành. Cơ chế vận hành của bảo hiểm xã hội tự nguyện chịu sự quản lý thống nhất của Nhà nước, được tổ chức theo mô hình tập trung nhằm bảo đảm tính ổn định và hiệu lực chính sách (ILO, 2019). OECD (2023) chỉ ra rằng phát triển bảo hiểm xã hội tự nguyện phụ thuộc mạnh vào mức độ đơn giản hóa thủ tục hành chính, minh bạch thông tin và khả năng cung ứng dịch vụ của hệ thống bảo hiểm xã hội. Quản trị hiệu quả bao gồm giám sát quỹ, chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ và nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, qua đó góp phần giảm chi phí giao dịch và gia tăng mức độ hài lòng của người dân (VSS, 2023). Do vậy, hiệu quả của cơ chế vận hành chính là nền tảng để đảm bảo quyền lợi và củng cố niềm tin, đồng thời là yếu tố thúc đẩy mở rộng bao phủ.

2.3. Nội dung phát triển bảo hiểm xã hội tự nguyện

Trên cơ sở tổng hợp và kế thừa các nghiên cứu trước trong nước và quốc tế, phát triển bảo hiểm xã hội tự nguyện cần tập trung vào một số nội dung trọng yếu phản ánh đầy đủ cấu trúc, động lực và hiệu quả của hệ thống. Các nội dung này là thước đo mức độ tiến triển của chính sách, là căn cứ để nhận diện các điểm nghẽn, từ đó đề xuất giải pháp hoàn thiện nhằm bảo đảm mục tiêu bao phủ bền vững trong giai đoạn tới. Cụ thể, phát triển bảo hiểm xã hội tự nguyện có thể được xem xét thông qua các nội dung sau:

Thứ nhất, ban hành chủ trương và thiết kế chương trình phát triển bảo hiểm xã hội tự nguyện. Theo ILO (2019), một khuôn khổ chính sách hiệu quả đối với bảo hiểm xã hội tự nguyện cần bảo đảm ba đặc tính: tính ổn định, tính nhất quán và khả năng thích ứng với sự biến động của thị trường lao động. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy các nước mở rộng thành công bảo hiểm xã hội tự nguyện tiêu biểu như Thái Lan,

Hàn Quốc và Trung Quốc đều triển khai chiến lược dài hạn gắn với cải cách thể chế, tăng cường hỗ trợ tài chính của Nhà nước và từng bước mở rộng quyền lợi hưởng nhằm tạo động lực tham gia bền vững (World Bank, 2024). Cách tiếp cận này cho thấy phát triển bảo hiểm xã hội tự nguyện không chỉ phụ thuộc vào thiết kế kỹ thuật của chương trình mà còn vào khả năng kết nối chính sách với mục tiêu an sinh xã hội quốc gia. Tại Việt Nam, khuôn khổ pháp lý về bảo hiểm xã hội tự nguyện tiếp tục được hoàn thiện qua Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 và sửa đổi năm 2024, trong đó xác định rõ đối tượng tham gia, mức đóng, mức hỗ trợ từ ngân sách và phạm vi quyền lợi. Tuy nhiên, chính sách hiện hành vẫn còn một số hạn chế như mức hỗ trợ thấp so với thu nhập của nhóm lao động yếu thế, cơ cấu quyền lợi còn hẹp và thiếu cơ chế khuyến khích nhóm lao động có thu nhập trung bình - khá tham gia dài hạn (Nguyễn Thị Lan Hương & Trần Kim Chung, 2024). Những hạn chế này cho thấy nhu cầu cấp thiết phải tiếp tục điều chỉnh tổ chức chương trình và hoàn thiện thiết kế chính sách, phù hợp với cấu trúc thu nhập và rủi ro của nhóm lao động phi chính thức.

Thứ hai, tuyên truyền và nâng cao nhận thức của người lao động. OECD (2025) khẳng định hiểu biết về quyền lợi - nghĩa vụ có tương quan trực tiếp với khả năng tham gia và duy trì đóng của người lao động. Theo ILO (2023) và UNDP (2024), truyền thông bảo hiểm xã hội ở các nước đang phát triển đang chuyển từ mô hình một chiều sang mô hình “truyền thông tương tác”, lấy người dân làm trung tâm, ứng dụng công nghệ số và cá nhân hóa thông điệp. Ở Việt Nam, kết quả khảo sát cho thấy nhiều lao động phi chính thức chưa coi bảo hiểm xã hội tự nguyện là đầu tư cho tương lai mà vẫn nhìn nhận như một khoản chi tiêu tạm thời (Nguyễn Thị Lan Hương, 2022). Dù Bảo hiểm xã hội Việt Nam (VSS, 2024) đã đẩy mạnh truyền thông đa nền tảng (hội nghị, truyền hình, mạng xã hội, ứng dụng số), mức độ hiệu quả vẫn chưa đồng đều giữa các vùng. Do đó, truyền thông không chỉ là hoạt động hỗ trợ, mà là nội dung có tính chất quản trị xã hội nhằm xây dựng niềm tin, định hình hành vi và tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của bảo hiểm xã hội tự nguyện.

Thứ ba, phát triển mạng lưới cung ứng dịch vụ bảo hiểm xã hội tự nguyện. Theo ILO (2019), chất lượng mạng lưới cung ứng bao gồm độ phủ dịch vụ, tính sẵn sàng, sự thân thiện và năng lực hỗ trợ của cán bộ có mối liên hệ trực tiếp với tỷ lệ tham gia, đặc biệt trong khu vực phi chính thức. Kinh nghiệm của Hàn Quốc và Philippines cho thấy sự kết hợp giữa đa kênh phân phối và số hóa toàn diện giúp tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện tăng từ 25% đến 40% trong vòng 5 năm (ILO, 2019). Tại Việt Nam, mạng lưới cung ứng gồm cơ quan BHXH, bưu điện, ngân hàng, các tổ chức chính trị - xã hội và đại lý thu địa phương. Tuy nhiên, vẫn tồn tại sự phân tán, chồng chéo và chưa đồng bộ về dữ liệu, dẫn đến chi phí giao dịch cao và trải nghiệm dịch vụ chưa nhất quán (VSS, 2024). Vì vậy, phát triển mạng lưới cung ứng dịch vụ BHXH tự nguyện phải gắn với chuyển đổi số, nâng cao chất lượng dịch vụ và xây dựng mô hình “mạng lưới đa chủ thể” để mở rộng khả năng tiếp cận của người dân.

Thứ tư, đa dạng hoá các phương thức tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện. Phương thức BHXHTN phản ánh mức độ phát triển và tính bền vững của hệ thống an sinh xã hội. Trong những năm gần đây, người tham gia BHXHTN có sự chuyển biến theo hướng đa dạng hơn về mức đóng, phương thức đóng và thời gian tham gia, góp phần mở rộng diện bao phủ và nâng cao hiệu quả chính sách.

Theo mức đóng, người tham gia vẫn tập trung chủ yếu ở nhóm đóng thấp, song tỷ trọng nhóm đóng trung bình và khá đang gia tăng, cho thấy nhận thức về lợi ích dài hạn từng bước được cải thiện (Nguyễn Công Chanh & cs., 2024; Đỗ Thị Thu & Giang Thanh Long, 2023).

Theo phương thức đóng người tham gia có thể lựa chọn đóng hàng tháng, 3 tháng, 6 tháng, 12 tháng hoặc đóng một lần cho nhiều năm về sau, tùy thuộc vào khả năng tài chính. Sự đa dạng này giúp người lao động chủ động hơn trong việc tham gia BHXHTN, đồng thời giảm áp lực tài chính trong ngắn hạn. Theo ILO (2019), tính linh hoạt trong phương thức đóng góp phần giảm áp lực ngắn hạn.

Ngoài ra, theo thời gian tham gia cũng cho thấy xu hướng dịch chuyển tích cực. Tỷ lệ người tham gia với thời gian đóng dài hạn có xu hướng

tăng lên, tuy nhiên vẫn tồn tại một bộ phận không nhỏ người tham gia theo hình thức ngắn hạn hoặc gián đoạn do thu nhập không ổn định và thiếu cơ chế khuyến khích đủ mạnh (World Bank, 2024).

Nhìn chung, phương thức BHXH tự nguyện đang có sự chuyển dịch theo hướng tích cực, để phát triển bền vững, cần tiếp tục hoàn thiện chính sách theo hướng nâng cao mức hỗ trợ của Nhà nước, tăng tính linh hoạt và hấp dẫn của hệ thống, đồng thời cần thiết lập cơ chế đóng - hưởng linh hoạt theo chu kỳ sống, cho phép người lao động lựa chọn hình thức, tần suất và mức đóng phù hợp với khả năng tài chính từng giai đoạn.

Thứ năm, hoàn thiện cơ chế và phương thức chi trả bảo hiểm xã hội tự nguyện. Theo ILO (2023), một cơ chế chi trả hiệu quả cần đảm bảo ba yêu cầu: đúng đối tượng, đúng thời gian và đúng quyền lợi. Các quốc gia như Ấn Độ và Kenya đã ứng dụng hệ thống chi trả điện tử tích hợp với mã định danh quốc gia, giúp giảm hơn 60% sai sót và nâng cao sự hài lòng của người thụ hưởng (World Bank, 2025). Ở Việt Nam, các phương thức chi trả đang dần hiện đại hóa qua ngân hàng, bưu điện và ví điện tử. Tuy nhiên, quá trình xác minh và xử lý hồ sơ vẫn còn kéo dài, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa (VSS, 2024). Do vậy, việc hoàn thiện cơ chế chi trả cần dựa trên nguyên tắc minh bạch, thuận tiện và an toàn, gắn với ứng dụng công nghệ số và thanh toán điện tử.

Thứ sáu, thanh tra và kiểm tra. ILO (2023) nhấn mạnh rằng một hệ thống an sinh xã hội bền vững phải có cơ chế giám sát hiệu lực nhằm phòng ngừa gian lận, đảm bảo an toàn quỹ và duy trì niềm tin của người tham gia. Kinh nghiệm từ Hàn Quốc, Thái Lan và Philippines cho thấy việc ứng dụng công nghệ để giám sát theo thời gian thực và công khai hóa kết quả kiểm tra giúp nâng cao đáng kể tính tuân thủ và giảm gian lận (World Bank, 2024). Ở Việt Nam, Luật Bảo hiểm xã hội (2014, sửa đổi 2024) quy định rõ trách nhiệm thanh tra của cơ quan bảo hiểm xã hội Việt Nam. Công tác thanh tra hiện tập trung vào hoạt động thu chi, hỗ trợ ngân sách, đại lý thu và giám sát quy trình chi trả (VSS, 2024). Như vậy, thanh tra và kiểm tra không chỉ là yêu cầu pháp lý mà còn là nội dung quan trọng để bảo vệ tính bền vững của quỹ, nâng cao chất lượng quản trị

và củng cố niềm tin vào hệ thống bảo hiểm xã hội tự nguyện trong dài hạn.

Trên cơ sở các nội dung phát triển bảo hiểm xã hội tự nguyện đã được phân tích, việc xây dựng tiêu chí đánh giá là cần thiết để xác định mức độ phát triển và hiệu quả của bảo hiểm xã hội tự nguyện trong thực tiễn. Đánh giá mức độ phát triển của bảo hiểm xã hội tự nguyện là yêu cầu cần thiết nhằm xác định kết quả đạt được, đo lường mức độ thực thi chính sách và phát hiện các hạn chế còn tồn tại. Theo quan điểm của ILO (2023) và World Bank (2024), việc đánh giá phát triển các chương trình an sinh xã hội nói chung và BHXH tự nguyện nói riêng cần dựa trên các tiêu chí phản ánh cả đầu vào, quá trình vận hành, kết quả đầu ra và tác động xã hội. Trên cơ sở tổng hợp các nghiên cứu trong và ngoài nước xác định các nhóm tiêu chí đánh giá phát triển bảo hiểm xã hội tự nguyện như sau:

Thứ nhất, tiêu chí về quy mô và mức độ bao phủ. Theo ILO (2019), mức độ bao phủ càng lớn thì hệ thống càng tiến gần tới mục tiêu bảo hiểm xã hội toàn dân, đồng thời cho thấy mức độ hấp dẫn của chính sách. Các chỉ số như số lượng người tham gia, tỷ lệ tăng trưởng, tỷ lệ duy trì tham gia, tỷ lệ rời hệ thống và cơ cấu theo vùng, giới, tuổi là những căn cứ quan trọng để đánh giá tiêu chí này. Khi quy mô bao phủ tăng ổn định, điều đó phản ánh sự phù hợp của thiết kế chính sách và hiệu quả tiếp cận (World Bank, 2024). Vì vậy, để đạt được tiêu chí này, cần mở rộng tiếp cận chính sách, tăng cường truyền thông và hoàn thiện mạng lưới cung ứng dịch vụ nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân tham gia.

Thứ hai, tiêu chí về chất lượng và tính bền vững của hệ thống. OECD (2023) nhấn mạnh rằng tính bền vững phụ thuộc vào sự ổn định, minh bạch và khả năng thích ứng của chính sách; năng lực quản lý, trình độ số hóa và chất lượng phục vụ người dân. Một hệ thống có chất lượng cao sẽ củng cố niềm tin và làm tăng mức độ gắn kết của người dân (ILO, 2019). Do vậy, để đáp ứng tiêu chí này, cần hoàn thiện khuôn khổ chính sách, hiện đại hóa quản trị và tăng cường năng lực vận hành nhằm bảo đảm sự ổn định và thích ứng của hệ thống trong dài hạn.

Thứ ba, tiêu chí về hiệu quả tài chính. Theo ILO (2023), hệ thống bảo hiểm xã hội chỉ bền

vững khi duy trì được cân đối thu - chi, quản lý quỹ an toàn và có dự phòng tài chính đầy đủ. Đánh giá hiệu quả tài chính dựa trên cân đối quỹ, hiệu quả sử dụng hỗ trợ ngân sách, chi phí quản lý và khả năng phòng ngừa rủi ro tài chính. Một hệ thống có hiệu quả tài chính tốt sẽ giảm áp lực ngân sách và duy trì niềm tin của người dân (Nguyễn Thị Lan Hương & Trần Kim Chung, 2024). Vì vậy, để đạt được tiêu chí này, cần tăng cường quản lý quỹ, tối ưu hóa chi phí và hoàn thiện cơ chế hỗ trợ tài chính để bảo đảm an toàn và cân đối dài hạn.

Thứ tư, tiêu chí về mức độ hài lòng của người tham gia. Theo UNDP (2024), các yếu tố như thủ tục thuận tiện, tính minh bạch, khả năng tiếp cận thông tin và hỗ trợ kịp thời là những yếu tố cốt lõi chi phối sự hài lòng. Do vậy, để đạt được tiêu chí này, cần cải thiện chất lượng dịch vụ, đơn giản hóa thủ tục, mở rộng hỗ trợ trực tuyến và nâng cao tính minh bạch trong toàn bộ quá trình cung ứng.

Thứ năm, tiêu chí về tác động xã hội. Tác động xã hội thể hiện vai trò rộng hơn của bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với cộng đồng, đặc biệt trong giảm nghèo ở tuổi già, thúc đẩy bình đẳng và củng cố niềm tin vào hệ thống an sinh (World Bank, 2024; ILO, 2024). Tiêu chí này đánh giá khả năng cải thiện phúc lợi dài hạn, ổn định thị trường lao động và đóng góp vào công bằng xã hội. Vì vậy, để đạt được tiêu chí này, cần mở rộng bao phủ thực chất, tăng hỗ trợ của Nhà nước và bảo đảm quyền lợi dài hạn.

2.4. Yếu tố ảnh hưởng phát triển bảo hiểm xã hội tự nguyện

Phát triển bảo hiểm xã hội tự nguyện là một quá trình phức hợp, chịu ảnh hưởng và tác động tổng hợp của nhiều nhóm yếu tố thuộc về kinh tế, xã hội, thể chế, văn hóa và tâm lý hành vi của người lao động. Dưới góc nhìn lý luận, các yếu tố này không tồn tại riêng lẻ mà có mối quan hệ tương tác chặt chẽ, cùng quyết định đến mức độ bao phủ, tính bền vững và hiệu quả của hệ thống bảo hiểm xã hội tự nguyện. Trên cơ sở khung lý thuyết về phát triển hệ thống an sinh xã hội do Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO, 2019) đề xuất, cùng với kết quả tổng hợp các nghiên cứu, có thể xác định rằng quá trình phát

triển bảo hiểm xã hội tự nguyện chịu sự chi phối đan xen của các nhóm yếu tố chủ yếu sau:

Thứ nhất, yếu tố chính sách. Khi chính sách được thiết kế linh hoạt, dễ tiếp cận, có hỗ trợ tài chính phù hợp và đảm bảo công bằng giữa các nhóm lao động, tỷ lệ tham gia có xu hướng tăng lên (World Bank, 2024). Theo ILO (2024), cải cách chính sách phải đáp ứng ba tiêu chí: (i) tính phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội; (ii) tính bền vững của quỹ và (iii) tính hấp dẫn đối với người lao động, đặc biệt là lao động phi chính thức. Do vậy, chính sách được xem như *yếu tố bên ngoài*, tác động đến người lao động, qua đó định hình mức độ tiếp cận, động lực tham gia và hiệu quả vận hành của chương trình bảo hiểm xã hội tự nguyện.

Thứ hai, yếu tố thuộc về người lao động. Tuổi tác, giới tính, trình độ học vấn, nghề nghiệp, mức thu nhập, nhận thức về an sinh xã hội và niềm tin vào Nhà nước đều liên quan trực tiếp đến ý định tham gia (ILO, 2023; Do Thi Thu & Giang Thanh Long, 2023). Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng thu nhập thấp và không ổn định là rào cản lớn đối với việc tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện của người lao động (Phạm Thị Lan Phương & Nguyễn Văn Song, 2014; Nguyễn Ngọc Hiến, 2024). Yếu tố hành vi như tâm lý coi nhẹ rủi ro tương lai, thiếu niềm tin thể chế hoặc thiếu hiểu biết về quyền lợi BHXHTN cũng làm giảm động lực tham gia (Indimuli & cs., 2023). Vì vậy, truyền thông chính sách và giáo dục tài chính an sinh là những giải pháp quan trọng nhằm thay đổi nhận thức và hành vi của người dân.

Thứ ba, yếu tố thuộc về hệ thống cung cấp dịch vụ bảo hiểm xã hội tự nguyện. Các yếu tố gồm: chất lượng đội ngũ cán bộ, tính minh bạch, thái độ phục vụ, quy trình thủ tục, mức độ số hóa và khả năng cung cấp dịch vụ đa kênh (ILO, 2024). Khi hệ thống được vận hành hiệu quả, minh bạch, ứng dụng công nghệ thông tin và giảm chi phí giao dịch, niềm tin và mức độ hài lòng của người dân tăng lên, qua đó cải thiện tỷ lệ tham gia (Nguyễn Ngọc Hiến, 2024). Các nghiên cứu quốc tế cho thấy sự chuyên nghiệp và thuận tiện trong dịch vụ góp phần mạnh mẽ vào quyết định tham gia các chương trình bảo hiểm tự nguyện (Wango, 2024). Ở Việt Nam, Nguyễn Lan Hương (2022) nhận định rằng sự phức tạp thủ tục và thiếu sự đồng bộ trong dịch vụ là rào

cản quan trọng làm giảm hiệu quả triển khai bảo hiểm xã hội tự nguyện. Việc chưa thực hiện điều tra, khảo sát một cách toàn diện đối với nhóm đối tượng tiềm năng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện đã khiến cơ quan BHXH tỉnh chưa có cơ sở dữ liệu đầy đủ để đánh giá chính xác thực trạng và khả năng mở rộng đối tượng tham gia trên địa bàn (Phạm Thị Lan Phương & Nguyễn Văn Song, 2014). Do vậy, việc hoàn thiện bộ máy tổ chức, tăng cường năng lực quản lý và hiện đại hóa dịch vụ là điều kiện tiên quyết để phát triển bảo hiểm xã hội tự nguyện bền vững.

Thứ tư, yếu tố văn hóa, phong tục, tập quán và niềm tin xã hội. Ở nhiều vùng nông thôn, truyền thống dựa vào gia đình, họ hàng hoặc “bảo hiểm tự nhiên” khiến người dân chưa coi trọng hình thức bảo hiểm chính thức, ngược lại, ở khu vực đô thị nơi dân trí cao và xu hướng phòng ngừa rủi ro rõ hơn, tỷ lệ tham gia cao hơn (ILO, 2024). Niềm tin vào Nhà nước, vào cơ quan thực thi và tính minh bạch của quỹ là yếu tố tâm lý quan trọng quyết định hành vi tham gia (World Bank, 2024). Do vậy, cần có chính sách truyền thông phù hợp, đa dạng hóa hình thức gắn với đặc thù văn hóa, xã hội từng địa phương, kết hợp giữa tuyên truyền trực tiếp, mạng xã hội và truyền thông cộng đồng để thay đổi dần hành vi và niềm tin xã hội đối với bảo hiểm xã hội tự nguyện.

Thứ năm, yếu tố công nghệ và chuyển đổi số. Các nền tảng thanh toán điện tử, cổng dịch vụ công trực tuyến và trí tuệ nhân tạo hỗ trợ cá nhân hóa dịch vụ, giúp tăng sự hài lòng và gắn bó của người tham gia (ILO, 2024). Nghiên cứu của Dash & cs. (2025) khẳng định rằng ứng dụng công nghệ là yếu tố quan trọng hàng đầu thúc đẩy mở rộng bảo hiểm tự nguyện ở các nước đang phát triển. Do vậy, chuyển đổi số không chỉ là công cụ hỗ trợ mà còn là động lực then chốt cho quá trình phát triển bảo hiểm xã hội tự nguyện trong kỷ nguyên số.

3. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã hệ thống hóa một cách có cơ sở lý luận về phát triển bảo hiểm xã hội tự nguyện trong tổng thể hệ thống an sinh xã hội, qua đó góp phần làm rõ nền tảng học thuật cho lĩnh vực còn thiếu tính tích hợp này. Trên cơ sở tổng quan các nghiên cứu trong và ngoài nước,

bài viết đã làm rõ ba nội dung cốt lõi gồm: (i) khái niệm và đặc điểm của bảo hiểm xã hội tự nguyện; (ii) các nội dung cấu thành quá trình phát triển bảo hiểm xã hội tự nguyện và (iii) các nhóm yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phát triển trong bối cảnh kinh tế - xã hội hiện nay.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, phát triển bảo hiểm xã hội tự nguyện không chỉ là sự gia tăng về quy mô bao phủ mà còn là quá trình nâng cao chất lượng chính sách, hoàn thiện thể chế và củng cố niềm tin xã hội. Quá trình này được cấu thành bởi nhiều nội dung có tính liên kết chặt chẽ, bao gồm thiết kế chính sách, truyền thông nhận thức, phát triển mạng lưới cung ứng dịch vụ, đa dạng hóa phương thức tham gia, hoàn thiện cơ chế chi trả và tăng cường giám sát hệ thống. Đồng thời, nghiên cứu cũng chỉ ra rằng sự phát triển của bảo hiểm xã hội tự nguyện chịu tác động tổng hợp của các nhóm yếu tố như chính sách, đặc điểm người lao động, chất lượng hệ thống cung ứng dịch vụ, yếu tố văn hóa - xã hội và mức độ ứng dụng công nghệ.

Về mặt học thuật, nghiên cứu đã góp phần lấp đầy khoảng trống khi xây dựng được một khung phân tích tương đối toàn diện về phát triển bảo hiểm xã hội tự nguyện. Khung lý luận này có thể được sử dụng làm nền tảng cho các nghiên cứu thực nghiệm trong tương lai, đặc biệt trong việc đo lường mức độ phát triển và kiểm định các yếu tố tác động trong những bối cảnh cụ thể.

Về mặt thực tiễn, kết quả nghiên cứu gợi ý rằng để phát triển bảo hiểm xã hội tự nguyện theo hướng bền vững, cần tiếp tục hoàn thiện chính sách theo hướng linh hoạt, phù hợp với đặc điểm thu nhập của khu vực lao động phi chính thức; đồng thời nâng cao mức hỗ trợ của Nhà nước, đa dạng hóa phương thức đóng - hưởng theo chu kỳ sống và đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý và cung ứng dịch vụ. Bên cạnh đó, việc tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức và củng cố niềm tin của người dân đối với hệ thống an sinh xã hội đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc mở rộng diện bao phủ.

Tuy nhiên, nghiên cứu vẫn tồn tại một số hạn chế nhất định do chủ yếu sử dụng phương pháp tổng quan định tính, chưa kiểm định thực nghiệm các mối quan hệ giữa các yếu tố trong mô hình đề xuất. Do đó, các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng theo hướng xây dựng mô

hình định lượng nhằm đánh giá mức độ tác động của từng yếu tố đến quyết định tham gia và sự phát triển của bảo hiểm xã hội tự nguyện trong các bối cảnh cụ thể.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 74th United States Congress (1935). Social Security Act of 1935. Retrieved from <https://www.ssa.gov/history/35act.html>. on May 15, 2025.
- Almon f. Rockwell (1939). The new zealand social security act. Retrieved from <https://www.ssa.gov/policy/docs/ssb/v2n5/v2n5p3.pdf>. on May 15, 2025.
- Atlantic Charter (1941). Declaration of principles issued by Franklin D. Roosevelt and Winston Churchill. Retrieved from <https://www.nato.int/en/about-us/official-texts-and-resources/official-texts/1941/08/14/the-atlantic-charter>. on Jul 21, 2024.
- Ajzen I. (1991). The theory of planned behavior. *Organizational Behavior and Human Decision Processes*. 50(2): 179-211. [https://doi.org/10.1016/0749-5978\(91\)90020-T](https://doi.org/10.1016/0749-5978(91)90020-T)
- Alfers L., Rogan M. & Webster E. (2018). Informal workers and social protection: The missing link in labour market governance. *International Social Security Review*. 71(1): 3-22. doi.org/10.1111/issr.12157
- Barr N. & Diamond P. (2008). *Reforming pensions: Principles and policy choices*. Oxford University Press.
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam (2024). Báo cáo công khai thực hiện dự toán thu, chi năm 2024. Truy cập từ <https://baohiemxahoi.gov.vn/congkhai/Pages/tinh-hinh-thuc-hien-du-toan-ngan-sach-trong-nam.aspx?CateID=160&ItemID=24436>. ngày 30/3/2025
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam (2023). Báo cáo công khai hoạt động năm 2023. Truy cập từ <https://baohiemxahoi.gov.vn/tintuc/Pages/hoat-dong-he-thong-bao-hiem-xa-hoi.aspx?CateID=0&ItemID=21188&OtItem=date>. ngày 30/7/2024.
- Chanh Nguyễn Cong, Ha Hong Nguyen & Ho Dinh Phi. (2024). The intention to participate in voluntary social insurance of informal sector workers: The case in Mekong Delta, Vietnam. *International Journal of Professional Business Review: Int. J. Prof. Bus. Rev.* 9(1): 14.
- Dash Mohapatra B., Kumar Sahoo C. & Chopra A. (2025). Identifying and prioritizing factors influencing the social insurance contribution of unorganized workers. *Benchmarking: An International Journal* 32(2): 689-708. DOI: 10.1108/BIJ-05-2023-0306.
- Do Thi Thu & Giang Thanh Long (2023). Factors Associated with Participation of Vietnamese Informal Workers in Voluntary Social Insurance Scheme. *Malaysian Journal of Economic Studies*.

- 60(2) 115-128. <https://doi.org/10.22452/MJES.vol60no2.5> mjs.um.edu.my
- Đinh Thị Lan (2022). Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện ở Việt Nam. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*. 304(2): 78-87.
- Hinz R. & Holzmann R. (2021). Old-age income support in the 21st century. World Bank.
- Indimuli R., Torm N., Mitullah W., Riisgaard L. & Kamau A.W. (2023). Informal workers and Kenya's National Hospital Insurance Fund: Identifying barriers to voluntary participation. *International Social Security Review* 76(1): 79-107. DOI: 10.1111/issr.12316
- International Labour Organization (ILO). (2001). Extending social protection to informal economy workers. Geneva: ILO.
- International Labour Organization (ILO). (2019). Building universal social protection systems: Lessons from Asia and the Pacific. Geneva: ILO.
- International Labour Organization. (2023). Vietnam Social Protection Assessment 2023. Geneva: ILO.
- International Labour Organization. (2024). Viet Nam's amended Social Insurance Law: A step towards universal coverage. Geneva: ILO. Retrieved from <https://www.ilo.org/resource/article/viet-nams-amended-social-insurance-law-step-towards-universal-coverage>. on Aug 15, 2025.
- Jain H., Nguyen N.T., Yeachuri A., Ha P.B. & De K. (2025). Expanding Coverage in Vietnam's Voluntary Social Insurance Scheme: Insights and Recommendations. World Bank. Retrieved from https://openknowledge.worldbank.org/entities/publication/daefe65a-1004-4988-8dd1-bf914f49d853?utm_source=chatgpt.com Open Knowledge. on Sep 10, 2025.
- Khan A.R., Khan M.T., & Khan M.I. (2020). Determinants of social security participation among informal workers: Evidence from developing countries. *Social Policy & Administration*. 54(6): 1028-1044. doi.org/10.1111/spol.12586
- Luong Van Bui, Dung Dac Nguyen & Linh hong Dinh (2023). Improving the Participation Rates of Freelance Laborers in Voluntary Social Insurance Programs in Thai Nguyen, Vietnam. *Health Behavior and Policy Review*. 10(4): 1342-1357. DOI: <https://doi.org/10.14485/HBPR.10.4.3>
- Mario Coccia (2023) Theories of Development Chapter. April 2023. DOI: 10.1007/978-3-030-66252-3_939
- Nguyễn Thị Lan Hương & Trần Kim Chung (2024). Phát triển hệ thống an sinh xã hội đa tầng ở Việt Nam trong bối cảnh mới. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Nguyen Ngoc Hien (2024). Behavioral reasoning theory perspectives on voluntary social insurance: The roles of collectivism and long-term orientation. ResearchGate. doi: 10.1111/aswp.12322.
- Nguyễn Văn Tiến & Phạm Thị Lan (2022). Nâng cao tính hấp dẫn của bảo hiểm xã hội tự nguyện ở Việt Nam. *Tạp chí Lao động và Xã hội*. (10): 45-52.
- Nguyễn Hữu Dũng (2024). Thúc đẩy phát triển bảo hiểm xã hội tự nguyện ở Việt Nam trong bối cảnh mới. *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*. 12(8): 45-52.
- Nguyễn Thị Lan Hương. (2022). Phát triển bảo hiểm xã hội tự nguyện ở Việt Nam trong bối cảnh mới. *Tạp chí Lao động và Xã hội*. 674(3): 12-20.
- OECD - Organisation for Economic Co-operation and Development - tức Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (2023). Pensions at a Glance 2023: OECD and G20 Indicators. Paris: OECD Publishing.
- Phạm Thị Lan Phương & Nguyễn Văn Song (2014). Thực trạng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện trên địa bàn của người lao động trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. *Tạp chí Khoa học và Phát triển*. 12(5): 787-795.
- Phạm Thị Định (chủ biên) & Nguyễn Văn Định (2015). Giáo trình Kinh tế bảo hiểm. Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Quoc Dung Ngo & Quynh Hoa Nguyen (2025) Activating Voluntary Social Insurance Participation in Vietnam's Informal Sector: An Integrated Theoretical Framework Synthesising Planned Behaviour and Self-Determination Theories. DOI: 10.1177/21582440251379753
- Quốc hội (2006). Luật Bảo hiểm xã hội - luật số 71/2006/QH11 ngày 29/6/2006
- Quốc hội (2014). Luật Bảo hiểm xã hội - luật số 58/2014/QH13 ngày 20/11/2014.
- Quốc hội (2024). Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15 ngày 29/6/2024.
- Tổng cục Thống kê (2024). Báo cáo Lao động và Việc làm Việt Nam 2023. Nhà xuất bản Thống kê.
- Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (2015). Giáo trình Kinh tế bảo hiểm. Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.
- United Nations Development Programme (UNDP) (2024). Vietnam Human Development Report 2024: Inclusive Social Protection. Hà Nội.
- World Bank. (2024). Expanding Coverage in Vietnam's Voluntary Social Insurance Scheme. Washington, DC: World Bank Group. <https://documents.worldbank.org/en/publication/documents/reports/documentdetail/099022425053098728>
- World Bank (2025). Adaptive Social Protection in Transition Economies: Innovations for Informal Workers. Washington, DC: World Bank.
- Wango N. (2024). Aspects of the Informal Economy that Influence Voluntary Contributions to Social Security Fund. *International Journal of Social Science Research*. 12(2): 222.
- Wang Y. & Sun X. (2022). Factors influencing informal workers' participation in social insurance programs: Evidence from developing economies. *International Journal of Social Welfare*. 31(4): 452-465. <https://doi.org/10.1111/ijsw.12505>